

KHUYẾN NGHỊ CHUNG SỐ 21

BÌNH ĐẲNG TRONG QUAN HỆ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH*

1. Công ước về Xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (Nghị quyết số 34/180 của Đại Hội đồng, Phụ lục) khẳng định sự bình đẳng về các quyền con người của cả phụ nữ và nam giới trong xã hội và trong gia đình. Công ước có một vị trí quan trọng trong hệ thống các điều ước quốc tế về quyền con người.

2. Nhiều công ước và tuyên bố khác cũng nêu bật ý nghĩa lớn lao của gia đình và vị trí của phụ nữ trong gia đình, bao gồm Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người (Nghị quyết 217/A (III) của Đại Hội đồng), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (Nghị quyết 2200A (XXI), Phụ lục), Công ước về quốc tịch của phụ nữ đã kết hôn (Nghị quyết số 1040 (XI), Phụ lục), Công ước về hôn nhân tự nguyện, tuổi tối thiểu để kết hôn và việc đăng ký kết hôn (Nghị quyết 1763A (XVII), Phụ lục) và Những Khuyến nghị tiếp theo (Nghị quyết 2018 (XX)) và Chiến lược Nai-rô-bi vì sự tiến bộ của phụ nữ¹.

3. Công ước về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ nhắc lại những quyền không thể chuyển nhượng của phụ nữ đã được thể hiện trong các công ước và tuyên ngôn nói trên, nhưng đi xa hơn bằng việc công nhận tầm quan trọng của văn hoá trong việc hình thành cách suy nghĩ, ứng xử của nam giới và phụ nữ, cũng như vai trò và ý nghĩa của văn hoá và truyền thống trong việc thực hiện các quyền cơ bản của phụ nữ.

Bối cảnh

4. Trong Nghị quyết 44/82, Đại hội đồng đã quyết định lấy năm 1994 là Năm quốc tế về gia đình. Ủy ban muốn nhân cơ hội này nhấn mạnh ý nghĩa của việc tuân thủ các quyền cơ bản của phụ nữ trong gia đình như một trong những biện pháp hỗ trợ và khuyến khích các hoạt động kỷ niệm sẽ diễn ra ở các quốc gia .

5. Với mục đích trên, để kỷ niệm Năm quốc tế về gia đình, Ủy ban sẽ phân tích ba điều trong Công ước có ý nghĩa đặc biệt đối với vị thế của phụ nữ trong gia đình:

Điều 9

* Phiên họp thứ 13 (1994)

¹ Xem báo cáo của Hội nghị thế giới về Phụ nữ: bình đẳng, phát triển và hòa bình, Nairobi, 15-26 tháng 5 năm 1985 (E.85.I đoạn 10), chương I, mục A.

1. Các quốc gia thành viên phải dành cho phụ nữ quyền bình đẳng với nam giới trong việc nhập, thay đổi hoặc giữ nguyên quốc tịch của mình. Các quốc gia phải đặc biệt đảm bảo là việc kết hôn với người nước ngoài hay sự thay đổi quốc tịch của người chồng trong thời gian hôn nhân sẽ không mặc nhiên làm thay đổi quốc tịch của người vợ, làm cho người vợ trở thành người không có quốc tịch hoặc ép buộc người vợ đó phải lấy quốc tịch của người chồng.

2. Các Quốc gia thành viên phải dành cho phụ nữ những quyền bình đẳng với nam giới về vấn đề quốc tịch của con cái họ.

Bình luận

6. Quốc tịch có ý nghĩa rất quan trọng với việc tham gia đầy đủ vào các hoạt động trong xã hội. Nói chung, các quốc gia trao quốc tịch cho những người sinh ra ở quốc gia đó. Một người cũng có thể được trao quốc tịch vì lý do định cư hoặc có thể được nhập quốc tịch vì những lý do nhân đạo, chẳng hạn như đối với những người không có quốc tịch. Nếu không có vị thế công dân, phụ nữ sẽ bị tước bỏ quyền bầu cử và ứng cử vào các chức vụ công và có thể bị từ chối không được hưởng những phúc lợi công cộng và sự lựa chọn chỗ ở. Phụ nữ trưởng thành có thể thay đổi quốc tịch của mình và quốc tịch của phụ nữ không thể bị tước bỏ một cách tùy tiện chỉ vì hôn nhân, ly hôn hay vì người chồng hoặc người cha của họ thay đổi quốc tịch.

Điều 15

1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo cho phụ nữ sự bình đẳng với nam giới trước pháp luật.

2. Các quốc gia thành viên phải dành cho phụ nữ một tư cách pháp lý giống như nam giới trong những vấn đề dân sự, và có cùng các cơ hội để thể hiện tư cách đó. Đặc biệt, những Quốc gia thành viên phải dành cho phụ nữ các quyền bình đẳng như nam giới trong việc ký kết hợp đồng, quản lý tài sản và phải đối xử bình đẳng với phụ nữ trong tất cả những giai đoạn tố tụng trước tòa án và các cơ quan xét xử.

3. Các quốc gia thành viên thỏa thuận rằng tất cả những hợp đồng và văn bản luật tư khác thuộc bất kỳ loại nào mà có hậu quả pháp lý làm hạn chế tư cách pháp nhân của phụ nữ đều phải bị coi là không có giá trị và không có hiệu lực thi hành.

4. Các quốc gia thành viên phải dành cho nam giới và phụ nữ những quyền như nhau về mặt pháp luật liên quan đến việc đi lại của cá nhân và quyền tự do lựa chọn nơi cư trú, chỗ ở của họ.

Bổn luậ

7. Khi một người phụ nữ khụng thđ ký hợp ðụng, hoặc khụng thđ tiđp cđn vđi cđc nguđn tín dụng, hoặc chỉ cú thđ làm nhđng viđc đú vđi tham gia hođc đđm bđo của ngđđđi chụng hoặc mđt người họ hàng là nam giới, thì người phđ nđ đú đó bị tđđc bđ sđ tự chủ

- b) Quyền như nhau được tự do lựa chọn người để kết hôn và chỉ kết hôn khi họ được tự do quyết định và hoàn toàn đồng thuận.
- c) Các quyền và trách nhiệm như nhau trong thời gian hôn nhân cũng như khi li hôn.
- d) Các quyền và trách nhiệm như nhau với tư cách là cha mẹ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ ra sao, về những vấn đề liên quan đến con cái họ. Trong tất cả các trường hợp thì lợi ích của con cái họ phải là điều quan trọng nhất.
- e) Các quyền như nhau trong việc quyết định một cách tự do và có trách nhiệm về số con của mình và về khoảng cách giữa các con, cũng như quyền được tiếp cận với những thông tin, giáo dục và các phương tiện để họ thực hiện những quyền đó.
- f) Các quyền và trách nhiệm như nhau đối với việc giám hộ, bảo trợ, nhận sự ủy thác và nhận con nuôi, hoặc những thiết chế tương tự ở những nơi mà các khái niệm này có trong luật pháp quốc gia. Trong tất cả các trường hợp, lợi ích của trẻ em phải là điều quan trọng nhất.
- g) Các quyền cá nhân như nhau với tư cách vợ và chồng, bao gồm quyền được lựa chọn họ tên, nghề nghiệp và việc làm của bản thân mình.
- h) Các quyền như nhau với cả vợ và chồng đối với việc sở hữu, thừa kế, kiểm soát, quản lý, hưởng thụ và sử dụng tài sản, dù là tài sản không phải trả tiền hay tài sản có giá trị lớn.

2. Việc hứa hôn và kết hôn của trẻ em phải bị coi là không có hiệu lực pháp lý và cần tiến hành tất cả các hành động cần thiết, kể cả hành động pháp lý, để quy định cụ thể độ tuổi tối thiểu có thể kết hôn và bắt buộc phải đăng ký kết hôn chính thức.

Nhận định

Đời sống công cộng và riêng tư

11. Về mặt lịch sử, đã có những cách nhìn khác nhau đối với hoạt động của con người ở nơi công cộng, trong đời sống riêng tư và được điều chỉnh cho phù hợp. Trong tất cả các xã hội, theo truyền thống thì phụ nữ thường đảm đương những vai trò của họ trong gia đình, trong lĩnh vực riêng tư và từ lâu các hoạt động đó của phụ nữ đã bị coi là thấp kém.

12. Do các hoạt động như vậy thực ra là vô giá đối với sự sống còn của xã hội, không có gì có thể biện minh cho việc áp dụng những luật pháp hoặc tập tục khác mang tính phân biệt đối xử với phụ nữ. Báo cáo của các quốc gia thành viên cho thấy rằng vẫn còn có những quốc gia mà ở đó sự bình đẳng trong pháp luật chưa tồn tại. Do vậy, phụ nữ bị ngăn cản không được tiếp cận một cách bình đẳng với các nguồn lực, không được hưởng địa vị bình đẳng trong gia đình và xã hội. Ngay cả ở những nơi có sự bình đẳng trong pháp luật thì tất cả các xã hội đều gán những vai trò khác nhau cho nam giới và phụ nữ mà trong đó phụ nữ bị gán cho những vai trò thấp kém. Trong tình hình đó,

các nguyên tắc về công lý và bình đẳng được nêu trong Điều 16 và cả các Điều 2, 5 và 24 của Công ước đang bị vi phạm.

Các hình thức gia đình khác nhau

13. Hình thức và khái niệm gia đình có thể khác nhau giữa các quốc gia, thậm chí giữa những vùng, miền trong cùng một quốc gia. Nhưng bất kể hình thức gia đình như thế nào và bất kể hệ thống pháp luật, tôn giáo, tập tục hay truyền thống trong quốc gia đó như thế nào thì việc đối xử với phụ nữ trong gia đình theo luật định và trong đời sống riêng tư đều cần phải phù hợp với những nguyên tắc công lý và bình đẳng cho tất cả mọi người, theo như yêu cầu nêu ở Điều 2 của Công ước.

Hôn nhân đa thê

14. Báo cáo của các quốc gia thành viên còn cho thấy đa thê vẫn đang diễn ra ở một số nước. Hôn nhân đa thê cản trở quyền của người phụ nữ được bình đẳng với nam giới và có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng về tình cảm và tài chính đối với người phụ nữ và những người phụ thuộc vào họ, đến mức cần không những không khuyến khích mà phải nghiêm cấm hôn nhân đa thê. Ủy ban ghi nhận với sự quan ngại rằng một vài quốc gia thành viên đã có hiến pháp bảo đảm các quyền bình đẳng nhưng vẫn cho phép hôn nhân đa thê theo luật tục hoặc luật về cá nhân. Hôn nhân đa thê vi phạm quyền hiến định của phụ nữ và vi phạm những quy định đã được nêu trong Điều 5 (a) của Công ước.

Điều 16 (1) (a) và (b)

15. Trong khi hầu hết các quốc gia đều báo cáo rằng những hiến pháp và luật quốc gia của họ tuân thủ Công ước thì phong tục, tập quán, truyền thống và việc không thi hành được những văn bản pháp luật đó trên thực tế lại trái ngược với Công ước.

16. Quyền của phụ nữ được lựa chọn người để kết hôn và tự do kết hôn là cơ bản với đời sống của họ, đối với phẩm giá và sự bình đẳng của họ với tư cách là con người. Việc xem xét báo cáo của các quốc gia thành viên cho thấy có nhiều quốc gia dựa trên phong tục, tập quán, tín ngưỡng tôn giáo hoặc nguồn gốc sắc tộc của những nhóm người nhất định, vẫn cho phép tiến hành cưỡng hôn hoặc tái hôn ép buộc. Một số quốc gia khác còn cho phép việc sắp xếp phụ nữ kết hôn nhằm mục đích kiếm tiền hay ưu ái, còn ở một số quốc gia khác, phụ nữ vì sự nghèo khổ mà buộc họ phải kết hôn với người nước ngoài để được đảm bảo về tài chính. Trừ những hạn chế hợp lý, chẳng hạn như do tuổi người phụ nữ quá trẻ hoặc do người phụ nữ có quan hệ huyết thống với người dự định kết hôn thì quyền của phụ nữ được lựa chọn khi nào kết hôn, có kết hôn hay không, kết hôn với ai đều cần phải được pháp luật bảo vệ và đảm bảo thi hành.

Điều 16 (1) (c)

17. Việc xem xét báo cáo của các quốc gia thành viên cho thấy còn nhiều nước mà hệ thống pháp luật quốc gia đã quy định những quyền và trách nhiệm của các cặp vợ chồng dựa trên nguyên tắc của thông luật, luật tục hay luật tôn giáo chứ không tuân thủ

những nguyên tắc đã được nêu trong Công ước. Những cách quy định khác như vậy liên quan đến hôn nhân trong luật pháp và trên thực tế đã gây ra rất nhiều hậu quả xấu với phụ nữ và trong nhiều trường hợp đã hạn chế các quyền của phụ nữ được bình đẳng trong hôn nhân. Những hạn chế như vậy thường làm cho người chồng có vị thế chủ hộ, là người quyết định hàng đầu trong gia đình và như vậy là trái với những quy định của Công ước.

18. Hơn nữa, nói chung các trường hợp kết hôn trên thực tế thường không được pháp luật bảo vệ. Những phụ nữ sống trong các quan hệ như vậy cần phải được bình đẳng về vị thế với nam giới cả trong cuộc sống gia đình, trong việc chia sẻ thu nhập và tài sản, và phải được pháp luật bảo vệ. Những người phụ nữ như vậy cần phải được bình đẳng với nam giới về các quyền và trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Điều 16 (i), (d) và f

19. Như đã quy định trong Điều 5 (b), hầu hết các quốc gia thành viên thừa nhận việc chia sẻ trách nhiệm giữa cha và mẹ trong việc chăm sóc, bảo vệ và nuôi dạy con cái. Nguyên tắc “lợi ích tốt nhất dành cho trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu” đã được nêu trong Công ước về quyền trẻ em (Nghị quyết 44/25 của Đại Hội Đồng, Phụ lục) và hiện nay dường như đã được chấp nhận trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên trên thực tế, một số quốc gia đã không tuân theo nguyên tắc về sự bình đẳng của các bậc cha mẹ, đặc biệt trong trường hợp họ không kết hôn. Con cái của các cặp như vậy không phải bao giờ cũng được hưởng vị thế tương tự như của những trẻ em trong giá thú, và khi bố mẹ ly hôn hay không sống chung với nhau nữa thì nhiều người cha đã không chịu chia sẻ trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ và nuôi dưỡng con cái.

20. Các quyền và trách nhiệm cùng chia sẻ đã được nêu trong Công ước cần được thực thi bằng pháp luật và một cách thích hợp qua những khái niệm pháp lý về giám hộ, bảo trợ, nhận sự ủy thác và nhận con nuôi. Các quốc gia thành viên cần phải đảm bảo rằng, bằng việc thi hành pháp luật của họ, cả những người làm cha, mẹ, bất kể đến tình trạng hôn nhân của họ thế nào, bất kể họ có sống cùng với con cái của họ hay không, đều cùng chia sẻ bình đẳng các trách nhiệm và quyền đối với con cái họ.

Điều 16 (1) (e)

21. Trách nhiệm mang thai và nuôi dạy con của phụ nữ ảnh hưởng đến quyền của họ trong việc tiếp cận với giáo dục, việc làm và các hoạt động khác liên quan đến sự phát triển cá nhân họ. Các trách nhiệm đó cũng đặt ra những gánh nặng không công bằng về công việc đối với người phụ nữ. Số con và khoảng cách giữa các lần sinh con của họ cũng có ảnh hưởng tương tự đến cuộc sống của người phụ nữ, cũng như với con cái họ. Vì những lý do đó, phụ nữ phải được quyền quyết định về số con và về khoảng cách giữa các lần sinh.

22. Một số báo cáo cho thấy các hoạt động cưỡng ép gây những hậu quả nghiêm trọng với phụ nữ, thí dụ như cưỡng bức mang thai, nạo thai hay triệt sản. Những quyết

định của phụ nữ về việc có con hay không nên được tiến hành với sự tham khảo ý kiến của chồng hay người cùng chung sống thì tốt hơn, nhưng đâu sao quyết định đó cũng không bị hạn chế bởi người chồng hay bởi người cùng chung sống, hoặc bởi cha mẹ hay chính phủ của người phụ nữ. Để có thể quyết định một cách có hiểu biết về các biện pháp tránh thai an toàn và đáng tin cậy, phụ nữ phải được thông tin về những biện pháp tránh thai, và cách sử dụng, được đảm bảo tiếp cận giáo dục giới tính và những dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, như Điều 10 (h) của Công ước đã quy định.

23. Có sự đồng thuận chung cho rằng ở những nơi có thể áp dụng các biện pháp thích hợp một cách tự do để kiểm soát việc sinh đẻ tự nguyện thì sức khoẻ, sự phát triển và phúc lợi của tất cả các thành viên gia đình đều được cải thiện. Hơn nữa, các dịch vụ như vậy sẽ góp phần nâng cao chất lượng sống, sức khoẻ của toàn thể nhân dân, và việc điều chỉnh một cách tự nguyện sự gia tăng dân số sẽ giúp gìn giữ môi trường và giúp đạt được sự phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Điều 16 (1) (g)

24. Một gia đình ổn định là một gia đình dựa trên các nguyên tắc công bằng, công lý và hoàn thành trách nhiệm cá nhân của mọi thành viên. Do đó, mỗi bên đều phải được quyền lựa chọn nghề nghiệp hoặc công việc phù hợp nhất với các khả năng, phẩm chất và nguyện vọng của mình như đã được quy định trong Điều 11 (a) và (c) của Công ước. Hơn thế, mỗi bên cần được quyền lựa chọn tên họ của mình, để giữ sở thích riêng, đặc điểm riêng của mình trong cộng đồng và để phân biệt người đó với những thành viên khác của xã hội. Nếu theo luật pháp hoặc theo phong tục tập quán, một phụ nữ bị buộc phải thay đổi tên họ của mình khi kết hôn hoặc li hôn thì người phụ nữ đó đã bị bỏ các quyền này.

Điều 16 (1) (h)

25. Những quyền được quy định trong điều này tài khẳng định và bổ sung những quyền được quy định trong Điều 15 (2) về nghĩa vụ đặt ra với các quốc gia là phải bảo đảm cho phụ nữ được hưởng các quyền bình đẳng trong việc thương lượng, ký kết hợp đồng và quản lý tài sản.

26. Điều 15 (1) bảo đảm quyền phụ nữ bình đẳng với nam giới trước pháp luật. Quyền sở hữu, quản lý, hưởng thụ và sử dụng tài sản là trọng tâm để bảo đảm quyền của phụ nữ được độc lập về mặt tài chính. Ở nhiều nước, quyền này cũng là hết sức quan trọng đối với khả năng kiếm sống, được có đầy đủ nơi ăn, chốn ở và dinh dưỡng cho bản thân và gia đình của người phụ nữ.

27. Ở những nước đang thực hiện chương trình cải cách ruộng đất hay phân bổ lại đất đai giữa các nhóm thuộc những sắc tộc khác nhau thì cần thi hành cẩn thận quyền của phụ nữ được hưởng phần đất phân chia trên cơ sở bình đẳng với nam giới, bất kể tình trạng hôn nhân ra sao.

28. Ở hầu hết các nước, một số lượng lớn phụ nữ sống độc thân hoặc đã ly hôn và nhiều phụ nữ là người duy nhất chịu trách nhiệm nuôi gia đình. Bất kỳ sự phân biệt đối xử nào trong việc phân chia tài sản dựa trên tiền đề coi nam giới là người chịu trách nhiệm duy nhất nuôi gia đình và vợ con của người đó, rằng nam giới có thể và thực sự hoàn thành đầy đủ trách nhiệm đó rõ ràng là không thực tế. Do đó, bất kỳ luật pháp hoặc phong tục nào dành cho nam giới quyền được hưởng phần tài sản lớn hơn vào lúc cuộc hôn nhân chấm dứt hay cuộc sống chung trên thực tế hoặc khi một người họ hàng qua đời là mang tính chất phân biệt đối xử và sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng đối với khả năng thực tế của người phụ nữ có thể ly dị chồng, tự nuôi sống bản thân và gia đình, sống và giữ phẩm giá của mình với tư cách là một con người độc lập.

29. Tất cả những quyền này phải được bảo đảm bất kể tình trạng hôn nhân của người phụ nữ như thế nào.

Tài sản trong hôn nhân

30. Có những nước không thừa nhận quyền của phụ nữ được sở hữu phần tài sản ngang với phần của chồng trong thời gian hôn nhân hay chung sống trên thực tế và khi cuộc hôn nhân hay sống chung đó chấm dứt. Nhiều nước thừa nhận quyền đó nhưng khả năng thực tế thực hiện được quyền đó của phụ nữ lại có thể bị hạn chế vì các quy định pháp luật hay tập quán.

31. Ngay cả trong trường hợp phụ nữ có các quyền hợp pháp đó và toà án bảo vệ những quyền đó thì tài sản do phụ nữ sở hữu trong thời gian hôn nhân hay ly hôn vẫn có thể bị người chồng quản lý. Ở nhiều quốc gia mặc dù pháp luật quy định chế độ tài sản chung giữa vợ và chồng nhưng không quy định việc phải hỏi ý kiến người vợ khi bán tài sản hoặc sử dụng tài sản do vợ chồng sở hữu chung trong thời gian hôn nhân hay chung sống trên thực tế. Điều đó làm hạn chế khả năng của phụ nữ kiểm soát việc sử dụng tài sản hoặc thu nhập do tài sản đó.

32. Ở một vài nước, khi phân chia tài sản trong hôn nhân, người ta nhấn mạnh hơn đến những đóng góp về mặt tài chính vào tài sản phát sinh trong hôn nhân trong khi những đóng góp khác như nuôi dạy con cái, chăm sóc người già trong gia đình, làm việc nội trợ thì bị coi nhẹ. Thường thì những đóng góp mang tính chất phi tài chính như vậy của người vợ tạo điều kiện cho người chồng kiếm thu nhập và tăng thêm tài sản. Cần phải coi trọng như nhau những đóng góp tài chính hay phi tài chính.

33. Ở nhiều nước, tài sản được tích lũy trong một cuộc sống chung trên thực tế lại không được coi tương tự như tài sản tích lũy trong hôn nhân theo pháp luật. Tình trạng phổ biến là khi cuộc sống chung kết thúc, người phụ nữ phải nhận phần tài sản ít hơn nhiều so với người nam giới. Những luật pháp và tập quán về tài sản phân biệt đối xử chống lại những phụ nữ có kết hôn hay không kết hôn, có con hay không có con như vậy đều cần phải bị hủy bỏ và chấm dứt.

Quyền thừa kế

34. Báo cáo của các quốc gia thành viên cần bao gồm những bình luận về các quy định hoặc luật tục liên quan đến pháp luật về thừa kế tài sản khi có ảnh hưởng đến địa vị của phụ nữ đã được quy định trong Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ và trong Nghị quyết số 884 (XXXIV) của Hội đồng Kinh tế - Xã hội mà trong đó Hội đồng khuyến nghị các quốc gia đảm bảo cho những phụ nữ và nam giới cùng có quan hệ ngang nhau với người đã qua đời được quyền hưởng tài sản thừa kế ngang nhau và xếp thứ tự như nhau trong thứ tự thừa kế. Khuyến nghị đó nhìn chung chưa được thực hiện.

35. Có nhiều nước có luật pháp và thực tiễn liên quan đến kế thừa và tài sản phân biệt đối xử nghiêm trọng đối với phụ nữ. Do kết quả của việc đối xử không bình đẳng khi người chồng hoặc người cha qua đời, người phụ nữ có thể phải chấp nhận phần tài sản thừa kế ít hơn so với nam giới góa vợ hay con trai. Trong một số trường hợp, phụ nữ chỉ được hưởng những quyền rất hạn chế, bị kiểm soát và chỉ được thừa kế rất ít tài sản của người đã mất. Tình trạng thường xảy ra là các quyền thừa kế của phụ nữ góa chồng không phản ánh nguyên tắc vợ chồng cùng sở hữu bình đẳng các tài sản tích lũy trong thời gian hôn nhân. Những quy định như vậy là trái với Công ước và cần bãi bỏ.

Điều 16 (2)

36. Tuyên bố Viên và Chương trình Hành động¹ được thông qua tại Hội nghị thế giới về quyền con người được tổ chức tại Viên từ 14 đến 25/6/1993 kêu gọi các quốc gia cần nhanh chóng bãi bỏ những văn bản pháp luật và pháp quy, cũng như các phong tục, tập quán hiện hành có tính chất phân biệt đối xử và gây tác hại cho phụ nữ và trẻ em gái. Điều 16 (2) và các điều khoản khác của Công ước về quyền của trẻ em (Nghị quyết 44/55 của Đại Hội Đồng) đã loại trừ việc các quốc gia thành viên cho phép hoặc công nhận hiệu lực của hôn nhân giữa những người chưa tới tuổi trưởng thành. Theo Công ước về quyền của trẻ em, “trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ khi pháp luật đang áp dụng cho trẻ em quy định sớm hơn”, tuy nhiên, ghi nhớ các quy định được nêu trong Tuyên bố Viên, Ủy ban cho rằng độ tuổi tối thiểu có thể kết hôn phải là 18 tuổi với cả nam giới và phụ nữ. Khi phụ nữ và nam giới kết hôn, họ sẽ phải đảm đương những trách nhiệm quan trọng, do đó, không thể cho phép kết hôn trước khi họ đến tuổi trưởng thành đầy đủ và có đủ năng lực hành vi. Theo Tổ chức Y tế thế giới, khi những người chưa thành niên, đặc biệt là trẻ em gái, kết hôn và có con thì sức khỏe của các em sẽ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, hậu quả nữa là sự tự chủ về kinh tế của các em bị hạn chế.

37. Thực tế kể trên không những ảnh hưởng đến cá nhân người phụ nữ mà còn làm hạn chế sự phát triển các kỹ năng và sự độc lập của họ, làm giảm khả năng tiếp cận

¹ Tài liệu mã số A/CONF.157/24 (Phần I), chương III.

của họ đối với việc làm, từ đó cũng ảnh hưởng tiêu cực đến gia đình và cộng đồng của họ.

38. Một số nước quy định tuổi kết hôn cho nam và nữ khác nhau. Những qui định như vậy dựa trên tư tưởng không đúng cho là phụ nữ có mức độ phát triển trí tuệ khác so với nam giới, hoặc cho tình trạng phát triển về thể chất và trí tuệ khi kết hôn của phụ nữ là không quan trọng, do đó, những quy định như vậy cần được huỷ bỏ. Ở một số nước khác lại cho phép các thành viên trong gia đình quyết định hứa hôn thay cho con gái. Thực tế đó chẳng những trái với Công ước mà còn đi ngược lại quyền của phụ nữ được tự do lựa chọn người mình muốn kết hôn.

39. Các quốc gia thành viên cũng cần thực hiện việc đăng ký tất cả các cuộc hôn nhân, dù được tiến hành theo giao kết dân sự hay theo phong tục tập quán hoặc theo các luật lệ tôn giáo. Bằng việc đăng ký kết hôn, nhà nước có thể đảm bảo sự tuân thủ Công ước, thiết lập sự bình đẳng giữa hai bên, quy định tuổi tối thiểu có thể kết hôn, ngăn cấm chế độ đa thê, đa phu và bảo vệ các quyền của trẻ em.

Khuyến nghị

Bạo lực đối với phụ nữ

40. Xét vị trí của phụ nữ trong cuộc sống gia đình, Uỷ ban mong muốn nhấn mạnh rằng các quy định được nêu trong Khuyến nghị chung số 19 (khóa họp thứ 11)¹ liên quan đến bạo lực với phụ nữ có ý nghĩa to lớn với việc tăng cường các khả năng của phụ nữ được hưởng thụ những quyền và tự do trên cơ sở bình đẳng với nam giới. Các quốc gia thành viên được yêu cầu tuân thủ các khuyến nghị chung đó để đảm bảo là cả trong cuộc sống gia đình và công cộng, phụ nữ được thoát khỏi nạn bạo lực trên cơ sở giới mà đang cản trở nghiêm trọng việc thi hành các quyền và sự tự do của phụ nữ với tư cách là những cá nhân con người.

Các bảo lưu

41. Uỷ ban ghi nhận với sự lo lắng số lượng các quốc gia thành viên đã có những bảo lưu đối với toàn bộ hoặc một phần của Điều 16, đặc biệt khi đã bảo lưu Điều 2, với lý do là việc tuân thủ quy định trong điều đó có thể gây xung đột với quan điểm phổ biến về gia đình, dựa trên các tín ngưỡng hoặc thói quen văn hoá, hoặc dựa trên tình hình kinh tế hay chính trị của đất nước.

42. Nhiều quốc gia vẫn duy trì niềm tin vào cấu trúc gia đình gia trưởng đặt người cha, người chồng hoặc người con trai vào một vị trí thuận lợi. Ở một vài nước có những quan điểm của trào lưu chính thống hoặc các quan điểm cực đoan khác, hoặc những khó khăn về kinh tế đã khuyến khích việc quay trở lại với các giá trị và truyền thống cũ làm vị trí của phụ nữ ở trong gia đình bị suy giảm mạnh. Song ở một nước khác, người ta thừa

¹ Xem hồ sơ chính thức, khóa họp thứ 47 của Đại hội đồng, Phụ lục số 38 (A/47/38), chương I.

nhận rằng đối với một xã hội hiện đại, sự tiến bộ về kinh tế và phúc lợi chung của cộng đồng phụ thuộc vào sự tham gia một cách bình đẳng của tất cả những người trưởng thành, bất kể họ là nam hay nữ; và ở những quốc gia đó, các trở ngại, cấm kị, ý kiến phản động hay cực đoan về vấn đề này đã dần dần chấm dứt.

43. Để thống nhất với các Điều 2,3 và đặc biệt là Điều 24, Ủy ban yêu cầu tất cả các quốc gia thành viên tiến dần tới việc ngăn chặn tuyệt đối các quan điểm bất bình đẳng với phụ nữ trong gia đình, và qua đó, mỗi quốc gia cần rút bỏ sự bảo lưu của mình, đặc biệt là bảo lưu với các Điều 9, 15 và 16 của Công ước.

44. Các quốc gia thành viên cần kiên quyết chấm dứt bất kỳ quan niệm nào duy trì sự bất bình đẳng giữa nam và nữ mà được thể hiện trong luật pháp của nhà nước hay trong các luật lệ tôn giáo hoặc trong các phong tục, tập quán, và phải tiến tới việc rút bỏ các bảo lưu, đặc biệt là bảo lưu đối với Điều 16.

45. Trên cơ sở xem xét những báo cáo ban đầu và báo cáo định kỳ tiếp theo, Ủy ban nhận thấy rằng, trong khi một số quốc gia thành viên đã phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước mà không có bảo lưu thì vẫn còn một số văn bản pháp luật cụ thể, đặc biệt là những luật liên quan đến gia đình trên thực tế không nhất quán với các điều khoản của Công ước.

46. Pháp luật của các quốc gia đó vẫn còn gồm nhiều quy định phân biệt đối xử với phụ nữ dựa trên những chuẩn mực, phong tục tập quán, định kiến về xã hội và văn hóa. Vì tình hình cụ thể của họ liên quan đến những điều khoản bảo lưu nên Ủy ban rất khó đánh giá và hiểu được địa vị của phụ nữ ở những quốc gia này.

47. Đặc biệt, dựa trên cơ sở các Điều 1 và 2 của Công ước, Ủy ban đề nghị những quốc gia đó có những nỗ lực cần thiết để xem xét tình hình diễn ra trên thực tế liên quan đến những vấn đề bảo lưu và không áp dụng các quy định trong luật pháp quốc gia mà có tính chất phân biệt đối xử chống lại phụ nữ.

Báo cáo

48. Cùng với những bình luận khác nêu ở Khuyến nghị chung này, các Quốc gia thành viên trong báo cáo của mình cần phải:

(a) Chỉ ra thời điểm quốc gia rút bỏ tất cả những bảo lưu đối với Công ước, đặc biệt là bảo lưu với Điều 16.

(b) Chỉ ra những tính phù hợp của pháp luật nước mình với những nguyên tắc được quy định trong các Điều 9, 15 và 16 và những lý do về pháp luật quốc gia, luật lệ tôn giáo hay mà việc tuân theo luật pháp hay Công ước bị ngăn cản.

Lập pháp

49. Các quốc gia thành viên cần ban hành và thực thi pháp luật khi cần thiết để tuân thủ Công ước, đặc biệt là để tuân thủ những Điều 9, 15 và 16.

Khuyến khích việc tuân thủ Công ước

50. Cùng với những bình luận trong Khuyến nghị chung này và theo yêu cầu nêu ra ở các Điều 2,3 và 24, các quốc gia thành viên cần áp dụng những biện pháp nhằm khuyến khích việc tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc của Công ước, đặc biệt là ở những nơi có luật tôn giáo hay các phong tục tập quán mâu thuẫn với các nguyên tắc của Công ước.